

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

Số: 394 /NMĐSH1-TM

V/v cung cấp báo giá đơn hàng “Thuê đơn vị in ấn hồ sơ, sổ sách phục vụ cho công tác vận hành và cung cấp cung bao thư, bìa gấp, bìa trao quyết định tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ “Thuê đơn vị in ấn hồ sơ, sổ sách phục vụ cho công tác vận hành và cung cấp cung bao thư, bìa gấp, bìa trao quyết định tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị đơn vị quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho công tác mua sắm dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: Chi tiết như phụ lục đính kèm.
2. Thời gian thực hiện dịch vụ: Chi tiết như phụ lục đính kèm.
3. Địa điểm thực hiện công việc: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 16/03/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:
Người nhận: Phòng Thương mại - NMNĐ Sông Hậu 1
Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ
Email: huongpt02@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn;
longpx@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự quan tâm và hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1: N.V.Chính (để b/c);
- Lưu: VT, TM (P.T.H.02).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC: PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm công văn số 394 /NMĐSH1-TM ngày 03 / 03/2026)

I. Cung cấp bao thư, bì gấp và bì trao Quyết định để phục vụ công tác văn phòng, văn thư

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bì gấp ép kim (để Trao Quyết định)	- Màu đỏ, viền vàng ánh kim - Kích thước: 33,5 x 51 cm - Giấy: Ivory 350gsm - Giấy kính - Ép kim thành phẩm	Cái	100	Hình ảnh đính kèm
2	Bì gấp 22 x 31cm	- Kích thước: 22 x 31cm – đế 7cm - Giấy: C.300gsm - In 1 mặt, cán mờ 1 mặt	Cái	2.000	Hình ảnh đính kèm
3	Bì gấp 15 x 25cm	- Kích thước: 15 x 25cm – đế 5cm - Giấy: C.300gsm - In 1 mặt, cán mờ 1 mặt	Cái	1.000	Hình ảnh đính kèm
4	Bao thư 26 x 34cm	- Kích thước: 26 x 34cm - Giấy: For 120gsm - Dán keo nắp	Cái	4.000	Hình ảnh đính kèm
5	Bao thư 18 x 24cm	- Kích thước: 18 x 24cm - Giấy: For 120gsm - Dán keo nắp	Cái	6.000	Hình ảnh đính kèm
6	Bao thư 13 x 22cm	- Kích thước: 13 x 22cm - Giấy: For 120gsm - Dán keo nắp	Cái	3.000	Hình ảnh đính kèm
7	Bao thư 13 x 22cm	- Kích thước: 13 x 22cm - Giấy: For 120gsm - Dán keo nắp	Cái	3.000	Bao thư trắng không in màu



KT: 33.5 x 51cm
in giấy Ivory 350gsm
ép kim thành phẩm



KT: 33.5 x 25.3cm
in giấy Ivory 350gsm
ép kim thành phẩm



CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1
📍 Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành Phố Cần Thơ



CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1
📍 Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành Phố Cần Thơ



KT: 22 x 31cm - đế 7cm
in 1 mặt - cán màng mờ 1 mặt
in giấy C.300gsm

Signature



CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1
📍 Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành Phố Cần Thơ



CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1
📍 Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành Phố Cần Thơ



KT: 15 x 25cm - đế 5cm
in 1 mặt - cán màng mờ 1 mặt
in giấy C.300gsm

Signature

Signature



26 x 34

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1

📍 Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành Phố Cần Thơ



Kính gửi: _____

Phong bì

KT: 26 x 34cm - in giấy For 120gsm

dán keo nắp



CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1

📍 Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành Phố Cần Thơ

Kính gửi: _____

bao thư KT: 18 x 24cm

in giấy For 120gsm - dán keo nắp

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 131/CV-TM/2026



bao thư KT: 13 x 22cm
in giấy For 120gsm - dán keo nắp

 CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1
📍 Ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ

Kính gửi: _____



II. Phạm vi công việc: In ấn hồ sơ, sổ sách phục vụ cho công tác vận hành tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1

* LƯU Ý: - Các sổ được đóng quyển tài liệu (Mỗi quyển có bìa xanh dương + bìa kiềng, đóng gáy lò xo). Loại giấy ford 70gsm

STT	STT	TÊN BIỂU MẪU	Số quyển cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (QUYỂN)	Số giấy A4/Quyển (TỜ)	Số lượng giấy A4 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	Số giấy A3/Quyển (TỜ)	Số lượng giấy A3 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	MÃ HIỆU TÀI LIỆU IN	GHI CHÚ
			(1)	(2)	(3)=(1)*(2)	(5)	(6)=(1)*(5)		
	A	DANH MỤC BIỂU MẪU PHÂN XƯỞNG VẬN HÀNH							
	I	SỐ THEO DÕI							
		SỐ IN 3 THÁNG/LẦN (CÁC THÁNG 1;4;7;10)							
1	1	SỐ THEO DÕI PHIẾU PERMIT TO WORK	4		0	50	200	NMĐSH1-VH-BM001VH	In khổ giấy A3
2	2	SỐ THEO DÕI PHIẾU CÔNG TÁC	4		0	60	240	NMĐSH1-VH-BM006VH	In khổ giấy A3
3	3	SỐ THEO DÕI DUYỆT PTT	4	50	200		0	NMĐSH1-VH-BM008VH	In khổ giấy A4
4	4	SỐ THEO DÕI CHÂM CLO CHO HỆ THỐNG NƯỚC LÀM MÁT CHÍNH	4	30	120		0	NMĐSH1-VH-BM015VH	In khổ giấy A4
5	5	SỐ THEO DÕI VẬN HÀNH ĐỊNH KỲ MÁY PHÁT DIESEL	4		0	60	240	NMĐSH1-VH-BM003VH	In khổ giấy A3
6	6	SỐ THEO DÕI VẬN HÀNH ĐỊNH KỲ BƠM CHỮA CHÁY ĐIỆN, BƠM CHỮA CHÁY DIESEL	4		0	60	240	NMĐSH1-VH-BM004VH	In khổ giấy A3
7	7	SỐ THEO DÕI VẬN HÀNH LÒ HƠI PHỤ	4		0	60	240	NMĐSH1-VH-BM005VH	In khổ giấy A3
		SỐ IN HÀNG THÁNG							
8	8	SỐ GIAO NHẬN DỤNG CỤ, THIẾT BỊ VẬN HÀNH	60	30	1800		0	NMĐSH1-VH-BM009VH	In khổ giấy A4
9	9	SỐ CHÓT CÔNG TƠ THAN/DẦU/ĐÁ VỚI TỜ MÁY S1	12	30	360		0	NMĐSH1-VH-BM010VH	In khổ giấy A4
10	10	SỐ CHÓT CÔNG TƠ THAN/DẦU/ĐÁ VỚI TỜ MÁY S2	12	30	360		0	NMĐSH1-VH-BM011VH	In khổ giấy A4
11	11	SỐ THEO DÕI CÔNG TƠ MÁY PHÁT	12		0	30	360	NMĐSH1-VH-BM012VH	In khổ giấy A3
12	12	SỐ MỆNH LỆNH	60	20	1200		0	NMĐSH1-VH-BM014VH	In khổ giấy A4
13	13	SỐ THEO DÕI BẤT THƯỜNG THIẾT BỊ	60	30	1800		0	NMĐSH1-VH-BM017VH	In khổ giấy A4
	II	NHẬT KÝ VẬN HÀNH IN HÀNG THÁNG							
14	1	SỐ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ TRƯỞNG CA	12		0	115	1380	NMĐSH1-VH-BM001NK	In khổ giấy A3
15	2	SỐ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ MTĐK TURBINE - MÁY PHÁT TỜ MÁY 01	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM002NK	In khổ giấy A4



Xuong

...

STT	STT	TÊN BIỂU MẪU	Số quyền cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (QUYỀN)	Số giấy A4/Quyền (TỜ)	Số lượng giấy A4 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	Số giấy A3/Quyền (TỜ)	Số lượng giấy A3 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	MÃ HIỆU TÀI LIỆU IN	GHI CHÚ
16	3	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ MTĐK TURBINE - MÁY PHÁT TỔ MÁY 02	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM003NK	In khổ giấy A4
17	4	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ MTĐK LÒ HƠI TỔ MÁY 01	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM004NK	In khổ giấy A4
18	5	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ MTĐK LÒ HƠI TỔ MÁY 02	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM005NK	In khổ giấy A4
19	6	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ MTĐK C&I	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM006NK	In khổ giấy A4
20	7	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ MTĐK ĐIỆN	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM007NK	In khổ giấy A4
21	8	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ TRỰC ĐIỆN/THIẾT BỊ PHỤ	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM008NK	In khổ giấy A4
22	9	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ GIAN MÁY TURBINE - MÁY PHÁT TỔ MÁY 01	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM009NK	In khổ giấy A4
23	10	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ GIAN MÁY TURBINE - MÁY PHÁT TỔ MÁY 02	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM010NK	In khổ giấy A4
24	11	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ GIAN MÁY LÒ HƠI TỔ MÁY 01	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM011NK	In khổ giấy A4
25	12	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ GIAN MÁY LÒ HƠI TỔ MÁY 02	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM012NK	In khổ giấy A4
26	13	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ FGD/ESP TỔ MÁY 01	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM013NK	In khổ giấy A4
27	14	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ FGD/ESP TỔ MÁY 02	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM014NK	In khổ giấy A4
28	15	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ XỬ LÝ NƯỚC LÒ/ CPP	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM015NK	In khổ giấy A4
29	16	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ NƯỚC LÀM MÁT CHÍNH VÀ DẦU DO	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM016NK	In khổ giấy A4
30	17	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ THẢI XÍ/LÒ HƠI PHỤ TỔ MÁY 01	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM017NK	In khổ giấy A4
31	18	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ THẢI XÍ/LÒ HƠI PHỤ TỔ MÁY 02	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM018NK	In khổ giấy A4
32	19	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ XỬ LÝ NƯỚC	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM019NK	In khổ giấy A4
33	20	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯỜNG VỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI FGD	12	115	1380		0	NMĐSH1-VH-BM020NK	In khổ giấy A4
		SỔ IN 01 NĂM /LẦN							
34	21	SỔ THEO DÕI TÍN HIỆU FORCE DCS S1 COMMON	1			60	60	NMĐSH1-VH-BM019VH	In khổ giấy A3
35	22	SỔ THEO DÕI TÍN HIỆU FORCE DCS S2	1			60	60	NMĐSH1-VH-BM020VH	In khổ giấy A3
36	23	SỔ THEO DÕI TÍN HIỆU FORCE TCS S1	1			60	60	NMĐSH1-VH-BM021VH	In khổ giấy A3
37	24	SỔ THEO DÕI TÍN HIỆU FORCE TCS S2	1			60	60	NMĐSH1-VH-BM022VH	In khổ giấy A3
38	25	SỔ THEO DÕI TÍN HIỆU FORCE BPS	1			60	60	NMĐSH1-VH-BM023VH	In khổ giấy A3



Xuong

STT	STT	TÊN BIỂU MẪU	Số quyền cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (QUYỀN)	Số giấy A4/Quyền (TỜ)	Số lượng giấy A4 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	Số giấy A3/Quyền (TỜ)	Số lượng giấy A3 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	MÃ HIỆU TÀI LIỆU IN	GHI CHÚ
	III	BẢNG GHI THÔNG SỐ BỘ PHẬN VẬN HÀNH CỦA NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1 IN HÀNG THÁNG							
39		TÊN BIỂU MẪU			0		0		
40	1	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ MTĐK TURBINE - MFĐ TỜ MÁY 1	384	5	1920		0	NMDSH1-VH-BM001TS	In khổ giấy A4
41	2	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ MTĐK TURBINE - MFĐ TỜ MÁY 2	384	5	1920		0	NMDSH1-VH-BM002TS	In khổ giấy A4
42	3	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ MTĐK LÒ HƠI TỜ MÁY 1	384	4	1536		0	NMDSH1-VH-BM003TS	In khổ giấy A4
43	4	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ MTĐK LÒ HƠI TỜ MÁY 2	384	4	1536		0	NMDSH1-VH-BM004TS	In khổ giấy A4
44	5	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ XLNT FGD	384	5	1920		0	NMDSH1-VH-BM005TS	In khổ giấy A4
45	6	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ BẢNG ĐIỆN - MTĐK ĐIỆN	384	5	1920		0	NMDSH1-VH-BM006TS	In khổ giấy A4
46	7	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ TRỰC ĐIỆN/THIẾT BỊ PHỤ	384	5	1920		0	NMDSH1-VH-BM007TS	In khổ giấy A4
47	8	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ GIAN MÁY TURBINE - MÁY PHÁT TỜ MÁY 1	384	6	2304		0	NMDSH1-VH-BM008TS	In khổ giấy A4
48	9	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ GIAN MÁY TURBINE - MÁY PHÁT TỜ MÁY 2	384	6	2304		0	NMDSH1-VH-BM009TS	In khổ giấy A4
49	10	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ GIAN MÁY LÒ HƠI TỜ MÁY 1	384	3	1152		0	NMDSH1-VH-BM010TS	In khổ giấy A4
50	11	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ GIAN MÁY LÒ HƠI TỜ MÁY 2	384	3	1152		0	NMDSH1-VH-BM011TS	In khổ giấy A4
51	12	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ BẢNG GHI THÔNG SỐ FGD PHẦN CHUNG	384	5	1920		0	NMDSH1-VH-BM012TS	In khổ giấy A4
52	13	BẢNG GHI THÔNG SỐ ESP TỜ MÁY 1	384	2	768		0	NMDSH1-VH-BM013TS	In khổ giấy A4
53	14	BẢNG GHI THÔNG SỐ ESP TỜ MÁY 2	384	2	768		0	NMDSH1-VH-BM014TS	In khổ giấy A4
54	15	BẢNG GHI THÔNG SỐ FGD TỜ MÁY 1	384	3	1152		0	NMDSH1-VH-BM015TS	In khổ giấy A4
55	16	BẢNG GHI THÔNG SỐ FGD TỜ MÁY 2	384	3	1152		0	NMDSH1-VH-BM016TS	In khổ giấy A4
56	17	BẢNG GHI THÔNG SỐ THẢI XÍ TỜ MÁY 1	384	1	384		0	NMDSH1-VH-BM017TS	In khổ giấy A4
57	18	BẢNG GHI THÔNG SỐ THẢI XÍ TỜ MÁY 2	384	1	384		0	NMDSH1-VH-BM018TS	In khổ giấy A4
58	19	BẢNG GHI THÔNG SỐ DẦU DO	384	1	384		0	NMDSH1-VH-BM019TS	In khổ giấy A4
59	20	BẢNG GHI THÔNG SỐ LÒ HƠI PHỤ	384	3	1152		0	NMDSH1-VH-BM020TS	In khổ giấy A4
60	21	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ XỬ LÝ NƯỚC LÒ/CPP	384	6	2304		0	NMDSH1-VH-BM021TS	In khổ giấy A4
61	22	BẢNG GHI THÔNG SỐ CƯỜNG VỊ XỬ LÝ NƯỚC	384	7	2688		0	NMDSH1-VH-BM022TS	In khổ giấy A4



Xuong

ru

STT	STT	TÊN BIỂU MẪU	Số quyền cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (QUYỀN)	Số giấy A4/Quyền (TỜ)	Số lượng giấy A4 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	Số giấy A3/Quyền (TỜ)	Số lượng giấy A3 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	MÃ HIỆU TÀI LIỆU IN	GHI CHÚ
62	23	BẢNG GHI THÔNG SỐ NƯỚC LÀM MÁT CHÍNH	384	3	1152		0	NMĐSH1-VH-BM023TS	In khổ giấy A4
63	24	BẢNG GHI THÔNG SỐ MTĐK THẢI XỈ MRS	384	1	384		0	NMĐSH1-VH-BM024TS	In khổ giấy A4
64	25	GIẤY ĐÔI CA	3000	1	3000		0	NMĐSH1-VH-BM016VH	In khổ giấy A4
65	26	PHIẾU PERMIT TO WORK	2400	6	14400		0		In 2 mặt
	IV	CÁC BIỂU MẪU PHỤC VỤ CÔNG TÁC HÓA NGHIỆM NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SỐNG HẬU 1							
		IN 1 NĂM 1 LẦN (in vào THÁNG 03 của năm)							
66	1	Sổ theo dõi xuất nhập hóa chất thí nghiệm	1	100	100		0	NMĐSH1-VH-BM008HN	In khổ giấy A4
67	2	Sổ nhật ký phân tích chất lượng nhớt	1		0	100	100	NMĐSH1-VH-BM020HN	In khổ giấy A3
68	3	Sổ theo dõi tình trạng thiết bị phân tích dầu nhớt	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM021HN	In khổ giấy A4
69	4	Sổ nhật ký phân tích chất lượng dầu DO nhập	1	30	30		0	NMĐSH1-VH-BM023HN	In khổ giấy A4
70	5	Sổ theo dõi tình trạng thiết bị phân tích than	1	100	100		0	NMĐSH1-VH-BM034HN	In khổ giấy A4
71	6	Sổ nhật ký phân tích mẫu than bột	1	20	20		0	NMĐSH1-VH-BM035HN	In khổ giấy A4
72	7	Sổ nhật ký phân tích chất lượng hơi - nước tổ máy 1	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM043HN	In khổ giấy A4
73	8	Sổ nhật ký phân tích chất lượng hơi - nước tổ máy 2	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM044HN	In khổ giấy A4
74	9	Sổ nhật ký phân tích chất lượng nước hệ thống xử lý nước - nước thải	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM045HN	In khổ giấy A4
75	10	Sổ nhật ký phân tích chất lượng hơi nước lò hơi phụ	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM046HN	In khổ giấy A4
76	11	Sổ nhật ký phân tích chất lượng nước làm mát kín	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM055HN	In khổ giấy A4
77	12	Sổ nhật ký phân tích chất lượng nước làm mát chính	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM056HN	In khổ giấy A4
78	13	Sổ nhật ký phân tích chất lượng nước thải FGD hàng ngày	1		0	40	40	NMĐSH1-VH-BM057HN	In khổ giấy A3
79	14	Sổ nhật ký phân tích chất lượng nước thải FGD hàng tuần	1		0	20	20	NMĐSH1-VH-BM058HN	In khổ giấy A3
80	15	Sổ nhật ký phân tích chất lượng theo yêu cầu	1	100	0		100	NMĐSH1-VH-BM059HN	In khổ giấy A3
81	16	Bảng ghi thông số quan trắc trạm nước thải hồ xả hồ (Discharge pit)	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM060HN	In khổ giấy A4
82	17	Bảng ghi thông số quan trắc trạm nước thải đầu ra (Outfall)	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM061HN	In khổ giấy A4
83	18	Bảng ghi thông số quan trắc trạm nước nước đầu vào	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM062HN	In khổ giấy A4
84	19	Bảng ghi thông số quan trắc trạm khí thải CEMS S1	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM063HN	In khổ giấy A4



Signature

STT	STT	TÊN BIỂU MẪU	Số quyền cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (QUYỀN)	Số giấy A4/Quyền (TỜ)	Số lượng giấy A4 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	Số giấy A3/Quyền (TỜ)	Số lượng giấy A3 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	MÃ HIỆU TÀI LIỆU IN	GHI CHÚ
85	20	Bảng ghi thông số quan trắc trạm khí thải CEMS S2	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM064HN	In khổ giấy A4
86	21	Bảng ghi thông số quan trắc trạm không khí xung quanh AQM Outfall	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM065HN	In khổ giấy A4
87	22	Bảng ghi thông số quan trắc trạm không khí xung quanh AQM Admin	1	40	40		0	NMĐSH1-VH-BM066HN	In khổ giấy A4
88	23	Sổ theo dõi bất thường thiết bị quan trắc môi trường	1	100	100		0	NMĐSH1-VH-BM067HN	In khổ giấy A4
89	24	Sổ theo dõi vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị quan trắc môi trường	1	100	100		0	NMĐSH1-VH-BM068HN	In khổ giấy A4
90	25	Sổ theo dõi kiểm chuẩn, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc môi trường	1	100	100		0	NMĐSH1-VH-BM069HN	In khổ giấy A4
		SỐ IN 3 THÁNG/LẦN (in vào các THÁNG 1, 4, 7, 10)							
91	26	Sổ theo dõi giao nhận mẫu than tàu	4	40	160		0	NMĐSH1-VH-BM030HN	In khổ giấy A4
92	27	Sổ nhật ký kiểm tra, hiệu chuẩn máy đo nhiệt trị tại PTN	4	20	80		0	NMĐSH1-VH-BM031HN	In khổ giấy A4
93	28	Sổ nhật ký kiểm tra, hiệu chuẩn máy TGA tại PTN	4	20	80		0	NMĐSH1-VH-BM032HN	In khổ giấy A4
94	29	Sổ nhật ký kiểm tra, hiệu chuẩn máy CS 580 tại PTN	4	20	80		0	NMĐSH1-VH-BM033HN	In khổ giấy A4
		IN THEO MỖI THÁNG			0		0		
95	30	Sổ theo dõi tiêu hao hóa chất hệ thống xử lý nước lò (dosing) và hệ thống làm sạch nước ngưng (CPP)	12	40	480		0	NMĐSH1-VH-BM052HN	In khổ giấy A4
96	31	Sổ theo dõi tiêu hao hóa chất hệ thống xử lý nước và xử lý nước thải	12	40	480		0	NMĐSH1-VH-BM053HN	In khổ giấy A4
97	32	Sổ theo dõi tiêu hao hóa chất hệ thống xử lý nước thải FGD	12	40	480		0	NMĐSH1-VH-BM054HN	In khổ giấy A4
		TỔNG:	15.182		86.586		3.460		
	B	DANH MỤC BIỂU MẪU PHÂN XƯỞNG NHIÊN LIỆU							
	I	SỐ THEO DÕI							
		SỐ IN 3 THÁNG/LẦN (CÁC THÁNG 1;4;7;10)							
98	1	SỐ THEO DÕI PHIẾU PERMIT TO WORK	4		0	50	200	NMĐSH1-VH-BM001VH	In khổ giấy A3
99	2	SỐ THEO DÕI PHIẾU CÔNG TÁC	4		0	50	200	NMĐSH1-VH-BM006VH	In khổ giấy A3
100	3	SỐ THEO DÕI BẤT THƯỜNG THIẾT BỊ	40		0	40	1600	NMĐSH1-VH-BM017VH	In khổ giấy A3
101	4	SỐ THEO DÕI DUYỆT PHIẾU THAO TÁC	4		0	40	160	NMĐSH1-VH-BM008VH	In khổ giấy A3
		SỐ IN CHO CẢ NĂM (tháng 12)							
102	5	SỐ THEO DÕI DẦU XE CHUYÊN DỤNG	5	70	350		0	NMĐSH1-NL-BM008VH	In khổ giấy A4
103	6	SỐ THEO DÕI NHẬP DẦU	2	70	140		0	NMĐSH1-NL-BM004VH	In khổ giấy A4
104	7	SỐ THEO DÕI NHẬP ĐÁ VÔI	3	70	210		0	NMĐSH1-NL-BM005VH	In khổ giấy A4



Xuong

...

STT	STT	TÊN BIỂU MẪU	Số quyền cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (QUYỀN)	Số giấy A4/Quyền (TỜ)	Số lượng giấy A4 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	Số giấy A3/Quyền (TỜ)	Số lượng giấy A3 cần in trong 1 năm (từ tháng 05/2026 đến tháng 04/2027) (TỜ)	MÃ HIỆU TÀI LIỆU IN	GHI CHÚ
II		SỞ IN HÀNG THÁNG							
105	1	SỔ THEO DÕI XUẤT TÀU, XE TRO BAY	24		0	50	1200	NMĐSH1-VH-BM010VH	In khô giấy A3
106	2	SỔ NHẬT KÝ LÀM HÀNG	48	70	3360		0	NMĐSH1-NL-NM013NK	In khô giấy A4
107	3	SỔ NHẬT KÝ THEO DÕI CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH THAN	12	50	600		0	NMĐSH1-NL-BM006VH	In khô giấy A4
108	4	SỔ NHẬT KÝ GOM VẾT THAN-ĐÁ VỎI	84	60	5040		0	NMĐSH1-NL-BM007VH	In khô giấy A4
109	5	SỔ NHẬT KÝ KHAI THÁC BÊN CẢNG	12	50	600		0	NMĐSH1-NL-BM009VH	In khô giấy A4
110	6	SỔ GIAO NHẬN DỤNG CỤ, THIẾT BỊ CA VẬN HÀNH	132	60	7920		0	NMĐSH1-VH-BM009VH	In khô giấy A4
III		NHẬT KÝ VẬN HÀNH IN HÀNG THÁNG							
111	1	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ TRƯỞNG KÍP/MÁY TÍNH ĐIỀU KHIỂN NHIÊN LIỆU	12		0	98	1176	NMĐSH1-NL-BM001NK	In khô giấy A3
112	2	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ BĂNG TẢI THAN 1 (THÁP T1-T2-T3)	12	98	1176		0	NMĐSH1-NL-BM002NK	In khô giấy A4
113	3	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ BĂNG TẢI THAN 2 (THÁP T4-T5-T6)	12	98	1176		0	NMĐSH1-NL-BM003NK	In khô giấy A4
114	4	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ BĂNG TẢI THAN 3 (THÁP T7)	12	98	1176		0	NMĐSH1-NL-BM004NK	In khô giấy A4
115	5	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ MÁY BỐC ĐỖ THAN (CSU)	24	98	2352		0	NMĐSH1-NL-BM005NK	In khô giấy A4
116	6	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ MÁY ĐÁNH - PHÁ ĐÓNG (SR)	24	98	2352		0	NMĐSH1-NL-BM006NK	In khô giấy A4
117	7	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ HỆ THỐNG XUẤT TRO XÌ	12	98	1176		0	NMĐSH1-NL-BM007NK	In khô giấy A4
118	8	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ HỆ THỐNG ĐÁ VỎI - THẠCH CAO	12	98	1176		0	NMĐSH1-NL-BM008NK	In khô giấy A4
119	9	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ LÁI XE CHUYÊN DỤNG (xe tải)	12	98	1176		0	NMĐSH1-NL-BM011NK	In khô giấy A4
120	10	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ LÁI XE CHUYÊN DỤNG (xe lật)	24	98	2352		0	NMĐSH1-NL-BM011NK	In khô giấy A4
121	11	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ LÁI XE CHUYÊN DỤNG (xe ủi)	36	98	3528		0	NMĐSH1-NL-BM011NK	In khô giấy A4
122	12	SỔ NHẬT KÝ VẬN HÀNH CƯƠNG VỊ LÁI XE CHUYÊN DỤNG (xe đào)	36	98	3528		0	NMĐSH1-NL-BM011NK	In khô giấy A4
		TỔNG:	602		39.388		4.536		
		TỔNG CỘNG			125.974		7.996		



Xuong

ru